

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN  
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2021/HNGĐST

Ngày: 02-02-2021

V/v Ly hôn, nuôi con chung

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Huỳnh Thanh Phương.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Đặng Thị Kim Huệ và ông Nguyễn Văn Út.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:** Bà Lâm Thanh Thủy- Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 37/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 3 năm 2020 về việc “Xin ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 134/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 12 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/01/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Thị Ngọc Nh, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Hẻm 2, Tổ 03, khu phố Th, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Ngọc Th, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Hẻm 2, Tổ 03, khu phố Th, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện ngày 17/2/2020 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Ngọc Nh trình bày: Bà với ông Nguyễn Ngọc Th chung sống với nhau năm 1997 và có đăng ký kết hôn tại UBND phường Bình San ngày 21/01/2002. Quá trình chung sống hạnh phúc về sau phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp với

nhau, bà và ông Th không còn chung sống khoảng 02 năm nay. Nhận thấy tình cảm không còn nên bà nộp đơn xin ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Th.

Bà và ông Th chung sống có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 20/12/2002. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà và ông Th tự thỏa thuận về tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà và ông Th chung sống không có nợ chung.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th đã được tổng đạt hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án, tuy nhiên ông Th không có mặt, không có ý kiến trình bày về nội dung vụ việc để Tòa án xem xét.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát viên phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành và thực hiện đúng các quy định của pháp luật, bị đơn chưa thực hiện đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và lời trình bày tại phiên tòa, bà Nh và ông Th chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường B, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) cấp giấy chứng nhận kết hôn đã vào sổ số 05 ngày 21 tháng 01 năm 2002. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn, ông bà hiện nay không còn chung sống khoảng 02 năm. Căn cứ vào Điều 19, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị Ngọc Nh được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Th. Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 20/12/2002 hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tài sản chung và nợ chung: Bà Nh trình bày tự thỏa thuận tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết. Về án phí: Buộc bà Nh phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, lời trình bày tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: bà Phạm Thị Ngọc Nh yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết việc ly hôn, nuôi con chung giữa bà với

ông Nguyễn Ngọc Th. Bị đơn có nơi cư trú tại khu phố Th, phường M, thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Sự có mặt của các đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, do đó Tòa án tiến hành lập biên bản phiên họp về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản không tiến hành hòa giải được đồng thời ghi nhận ý kiến của đương sự có mặt theo quy định tại Điều 207, 208 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình đưa vụ án ra xét xử ông Th cũng đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Quan hệ hôn nhân: Bà Nh và ông Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Bình S, thị xã Hà Tiên (nay là thành phố Hà Tiên) cấp giấy chứng nhận kết hôn đã vào sổ số 05 ngày 21 tháng 01 năm 2002. Trong quá trình chung sống bà Nh, ông Th phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bà Nh trình bày do ông bà tính tình không phù hợp nhau, ông bà không còn chung sống với nhau 02 năm nay. Bị đơn ông Nguyễn Ngọc Th đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có ý kiến về nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không có căn cứ xem xét. Qua lời trình bày của nguyên đơn và qua xác minh tại chính quyền địa phương, xét thấy tình trạng hôn nhân giữa bà Nh và ông Th ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 9, Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Phạm Thị Ngọc Nh được ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Th.

Về con chung: Ông bà có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 20/12/2002 hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài sản chung và nợ chung: Bà Nh trình bày tự thỏa thuận tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Phạm Thị Ngọc Nh phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn là 300.000 đồng.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 9, Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Ngọc Nh ly hôn với ông Nguyễn Ngọc Th.

2. Về con chung: Bà Phạm Thị Ngọc Nh và ông Nguyễn Ngọc Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Ph, sinh ngày 16/02/1998 và Nguyễn Thị Ngọc K, sinh ngày 20/12/2002 hiện đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà Phạm Thị Ngọc Nh trình bày tự thỏa thuận tài sản chung, ông bà không có nợ chung nên không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Phạm Thị Ngọc Nh phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003619 ngày 10/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, nay bà Nh không phải nộp thêm.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự/.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP Hà Tiên;
- UBND phường B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Huỳnh Thanh Phương**